

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày 01/4/2026

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hiếu và bà Phạm Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên

Ngày 01/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2025 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Hồng N sinh ngày 27/6/1995; địa chỉ thôn X, xã G, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0371950010xx ngày cấp 12/6/2022, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công T sinh ngày 19/12/1993; địa chỉ tổ dân phố X, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0370930027xx ngày cấp 26/12/2022, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị N trình bày:
Tôi và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 18/3/2020; sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp; anh T chơi bời dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được; từ tháng 5/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân; hiện tại anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa; nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi xin ly hôn anh T. Về nuôi con, tôi và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 08/7/2020; tôi đề nghị giao cháu N1 cho tôi nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho tôi và tôi hiện tại đang làm tại Công ty thu nhập mỗi tháng là 11.000.000 đồng, nên tôi cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu N1. Về tài sản và công nợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay nợ ai tài sản gì.

Tại bản tự khai bị đơn là anh T trình bày: Tôi và chị N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn 18/3/2020 tại UBND xã K; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau; tôi nhất trí ly hôn chị N. Về con, chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 08/7/2020, tôi nhất trí giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng giáo dục. Về tài sản và công nợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

- Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Công T.
- Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 08/7/2020 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N và có quyền thăm mon con chung.
- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh T, việc khởi kiện của chị N được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tú có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa bị đơn là anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 18/3/2020, tại thời điểm kết hôn chị N và anh T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị N khai từ năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh T chơi bời dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, từ tháng 5/2021 vợ chồng sống ly thân và hiện tại anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa; anh T thừa nhận từ năm 2021 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nên anh T nhất trí ly hôn chị N.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định do tính tình không hợp, nên từ năm 2021 vợ chồng chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài cho đến nay không hàn gắn được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh T.

[3] Về nuôi con: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 08/7/2020. Cả chị N và anh T đều đề nghị giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng; nên Tòa án chấp nhận giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N, Tòa án đã giải thích cho chị N việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng chị N cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu N1; xét thấy chị N có việc làm và có thu nhập ổn định, nên chị N có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con, việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện; nên Tòa án không buộc anh T phải cấp dưỡng cho con cho chị N.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; vợ chồng chị N và anh T không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Công T

2.2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 08/7/2020 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí: Chị Dương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001857 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị N đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình
- UBND phường Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Lực